

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỂU CẦN
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 109/2024/DSST
Ngày: 27-8-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng
dân sự về góp hui

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Mỹ Châm**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Lê Văn Bài;**

Ông **Nguyễn Hồng Quân.**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Thạch Thị Minh Châu**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Hoàng Danh**, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2024, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 457/TLST-DS ngày 30-01-2023, về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự góp hui*”; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 170/2024/QĐXXST-DS ngày 22-7-2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 142/2024/QĐST-DS ngày 08-8-2024 giữa:

Nguyên đơn: Bà Thạch Thị M, sinh năm 1968; Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã HT, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Sa M, sinh năm 1965 và ông Thạch Th, sinh năm 1969; Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã HT, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1967; Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn Tiểu Cần, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt);

2. Chị Thạch Thị Sa M, sinh năm 1981; Địa chỉ: Ấp Đại Mong, xã Phú Cần, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt);

3. Chị Thạch Sâm B, sinh năm 1987; Địa chỉ: Ấp Đại Mong, xã Phú Cần, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt);

4. Chị Thạch Thị M, sinh năm 1991; Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã HT, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt);

5. Ông Trần Văn N, sinh năm 1971; Địa chỉ: Ấp Tân Đại, xã Hiếu Tử, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt);

6. Bà Sơn Thị Sa R, sinh năm 1979; Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã HT, huyện TC, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt);

7. Bà Sơn Thị Sa R2, sinh năm 1975; Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã HT, huyện TC, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt);

8. Bà Sơn Thị Ph, sinh năm 1955; Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã HT, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt);

9. Anh Thạch S, sinh năm 1986; Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã HT, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt);

10. Chị Thạch Thị Sa L, sinh năm 1987; Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã HT, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt);

11. Chị Thạch Thị Ma R, sinh năm 1987; Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã HT, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt);

12. Chị Thạch Thị Ch, sinh năm 1987; Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã HT, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt);

13. Bà Thạch Thị Ph, sinh năm 1957; Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã HT, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Thạch Thị M trình bày:

Tháng 03 năm 2017, bà có tổ chức khai 03 dây hụi (dây số 01 đến 03) bà Huỳnh Thị Sa M và ông Thạch Th (danh sách Thê Sa Manh) tham gia 03 dây, hình thức tham gia góp hụi được thỏa thuận như sau: Loại hụi 5.000.000 đồng, mỗi dây có 18 phần; huê hồng đầu thảo hưởng 1.500.000 đồng/lần hốt, hụi vụ, sau khi khai hụi bà có trách nhiệm gom tiền của hụi viên rồi giao cho người trúng thăm hốt hụi. Tất cả 03 dây hụi bà tổ chức khai đến lần thứ 08, ở lần thứ 09 bà úp hụi, cụ thể từng dây hụi bà M, ông Th tham gia và bỏ thăm hốt hụi như sau:

Dây 01: Bà M, ông Th tham gia 01 phần, từ lần khai hụi thứ 01 đến lần thứ 07 bà M, ông Th đóng hụi sống đầy đủ, ở lần khai hụi thứ 08 bà M, ông Th bỏ thăm 2.250.000 đồng là người trúng thăm hốt hụi, tiền hụi bà M, ông Th được nhận bằng 61.000.000 đồng, đã trừ huê hồng, bà giao tiền cho bà M, ông Th nhận không có làm giấy tờ;

Ở lần khai thứ 09 bà úp hụi, yêu cầu trả lại 10 lần tiền hụi đã nhận bằng 27.000.000 đồng;

Dây 02: Bà M, ông Th tham gia 01 phần, từ lần khai hụi thứ 01, 02 bà M, ông Th đóng hụi sống đầy đủ, ở lần khai hụi thứ 03 bà M, ông Th bỏ thăm 3.360.000 đồng là người trúng thăm hốt hụi, tiền hụi bà M, ông Th được nhận bằng 33.100.000 đồng, đã trừ huê hồng, bà đã giao tiền cho bà M, ông Th nhận không có làm giấy tờ; Sau khi hốt hụi bà M, ông Th đóng hụi chết đầy đủ đến

lần thứ 08;

Ở lần khai thứ 09 bà úp hui, yêu cầu trả lại 10 lần tiền hui đã nhận bằng **16.400.000 đồng**;

Dây 03: Bà M, ông Th tham gia 02 phần, từ lần khai thứ 01 đến thứ 06 bà M, ông Th đóng hui sống đầy đủ, ở lần khai thứ 07 bà M, ông Th bỏ thăm 2.510.000 đồng là người trúng thăm hót hui, tiền hui bà M, ông Th được nhận bằng 33.100.000 đồng đã trừ huê hồng, bà giao tiền cho bà M, ông Th nhận không có làm giấy tờ, có đóng 01 phần hui sống;

Lần 08, bà M, ông Th bỏ thăm 2.300.000 đồng là người trúng thăm hót hui, tiền hui bà M, ông Th được nhận bằng 57.800.000 đồng đã trừ huê hồng, bà giao tiền cho bà M, ông Th nhận không có làm giấy tờ, có đóng 01 phần hui chết;

Ở lần khai thứ 09 bà úp hui, yêu cầu trả lại 10 lần tiền hui đã nhận bằng 45.720.000 đồng (21.420.000 đồng + 24.300.000 đồng);

Tổng cộng bà yêu cầu bà M, ông Th trả lại 10 lần tiền hui đã nhận bằng 89.620.000 đồng. Trong quá trình giải quyết bà tự nguyện rút lại số tiền hui sống của những hui viên đã đóng tổng cộng bằng 20.810.000 đồng (89.620.000 đồng - 20.810.000 đồng) bà đồng ý cần trừ lại tiền hui bà khởi kiện bà Sa M, ông Th, cụ thể từ hui viên còn hui sống gồm:

- Hui viên Thạch Thị Sa Ran (Sâm Sa Rèm) ở dây số 01, số tiền hui sống bà Sa Ran đóng bằng 2.750.000 đồng;

- Chị Thạch Thị Sa L (Ly Kha Diệp) dây hui số 01, số tiền hui sống bà Sa L đã đóng bằng 2.750.000 đồng, dây hui số 02 bằng 1.640.000 đồng;

- Chị Thạch Thị Ph (Chú Sốt Phai) ở dây hui số 03 số tiền hui sống bà Phai đóng 02 lần bằng 4.680.000 đồng (2.380.000 đồng + 2.300.000 đồng);

- Bà Sơn Thị Sa R2 (Ny Sa R2), ở dây hui số 02, số tiền hui sống bà Sa R2 đóng bằng 1.640.000 đồng, ở dây hui số 03 bằng 2.300.000 đồng;

- Chị Lưu Thị Mỹ Thanh (Út Thi) ở dây hui số 03 số tiền hui sống chị Thanh đã đóng bằng 2.300.000 đồng;

- Chị Thạch Thị Ma R (Chín Rươn), ở dây hui số 02, số tiền hui sống chị Ma R đã đóng bằng 1.640.000 đồng;

- Bà Sơn Thị Ph (Chính), ở dây hui số 01 số tiền hui sống bà Phuône đã đóng bằng 2.750.000 đồng;

- Bà Sơn Thị Sa R (Sràn Quơn), ở dây hui số 01 số tiền hui sống bà Sa R đã đóng bằng 2.750.000 đồng;

Số tiền còn lại bà Thạch Thị M yêu cầu ông Thạch Th và bà Huỳnh Thi Sa Manh cùng có trách nhiệm trả lại bằng 68.810.000 đồng (Loại hui 5.000.000 đồng, mở vào tháng 3 năm 2017, dây hui số 01, 02, 03); không yêu cầu tính lãi.

Đối với bị đơn: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các thủ tục như Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng bà Huỳnh

Thị Sa M và ông Thạch Th không đến Tòa án tham gia tố tụng, Tòa án có lập biên bản về việc không tiến hành lấy lời khai được đối với bà Manh và ông Thế ở các dây hội trên, nên không xác định được những tình tiết nào của vụ án mà các bên đã thống nhất và không thống nhất. Vì vậy Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng có ý kiến trình bày: Tháng 3 năm 2017, bà Thạch Thị M có tổ chức khai 03 dây hội (dây 01 đến 03), loại hội 5.000.000 đồng, có 18 phần, hội vụ, bà M úp hội ở lần khai thứ 08, còn lại 10 lần khai mới mãn hội. Sau khi úp hội chủ hội và hội viên có tính toán tiền hội sống ở các dây hội trên xong, không có ai khởi kiện bà M chung vụ kiện này, mọi người thống nhất để cho bà M khởi kiện bà M, ông Th.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có cung cấp tài liệu chứng cứ gồm: 03 danh sách hội viên, loại hội 5.000.000 đồng, mở tháng 3 năm 2017, hội vụ (photo); chứng minh nhân dân tên Thạch Thị M (photo); các biên nhận tính tiền hội giữa chủ hội với hội viên (photo); Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có cung cấp tài liệu chứng cứ.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định của pháp luật còn vắng mặt tại các phiên hòa giải và phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị M về việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với các hội viên còn sống tổng công bằng 20.810.000 đồng.
2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị M.
3. Buộc ông Thạch Th và bà Huỳnh Thị Sa M cùng có trách nhiệm cho bà Thạch Thị M 10 lần tiền hội đã nhận bằng 68.810.000 đồng (Loại hội 5.000.000 đồng, mở tháng 3 năm 2017, dây hội số 01, 02, 03); Bà Thạch Thị M không yêu cầu tính lãi.
4. Về án phí đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hội”. Bị đơn cư trú tại huyện Tiểu Cần theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết

của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần; Bị đơn không có yêu cầu phản tố, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập.

Bà Thạch Thị Ch, chị Thạch Thị Sa R, chị Thạch Thị Sang, anh Thạch S, bà Thạch Thị M có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án.

Bà Huỳnh Thị Sa M, ông Thạch Th, Thạch Sâm B, bà Thạch Thị Ph, bà Sơn Thị Sa R, bà Sơn Thị Sa R2, chị Thạch Thị Ma R và chị Lưu Thị Mỹ Thanh vắng mặt, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án.

Bà Thạch Thị M có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với các hội viên còn hội sống gồm: Hội viên Thạch Thị Sa Ran (Sâm Sa Rèm) ở đây số 01, số tiền chị Sa Ran đã đóng bằng 2.750.000 đồng; Hội viên chị Thạch Thị Sa L (Ly Kha Diệp) ở đây hội số 01, số tiền hội sống chị Sa L đã đóng bằng 2.750.000 đồng, đây hội số 02 bằng 1.640.000 đồng; Hội viên bà Thạch Thị Ph (Chú Sốt Phai) ở đây hội số 03 số tiền hội sống bà Phai đóng 02 lần bằng 4.680.000 đồng (2.380.000 đồng + 2.300.000 đồng); Hội viên bà Sơn Thị Sa R2 (Ny Sa R2), ở đây hội số 02, số tiền hội sống bà Sa R2 đóng bằng 1.640.000 đồng, ở đây hội số 03 bằng 2.300.000 đồng; Hội viên chị Lưu Thị Mỹ Thanh (Út Thi) ở đây hội số 03 số tiền hội sống chị Thanh đã đóng bằng 2.300.000 đồng; Hội viên chị Thạch Thị Ma R (Chín Rươn), ở đây hội số 02, số tiền hội sống chị Ma R đã đóng bằng 1.640.000 đồng; Hội viên bà Sơn Thị Ph (Chính), ở đây hội số 01 số tiền hội sống bà Phuone đã đóng bằng 2.750.000 đồng; Hội viên bà Sơn Thị Sa R (Sràn Quơn), ở đây hội số 01 số tiền hội sống bà Sa R đã đóng bằng 2.750.000 đồng, tổng cộng bằng 20.810.000 đồng. Xét thấy, việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của bà M là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà M.

[2]. *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*: Bà Thạch Thị M yêu cầu bà bà Huỳnh Thị Sa M và ông Thạch Th cùng có trách nhiệm trả lại cho bà M 10 lần tiền hội đã nhận bằng 68.810.000 đồng (Loại hội 5.000.000 đồng, mở tháng 3 năm 2017, hội vụ, đây hội số 01, 02, 03). Bà Thạch Thị M không yêu cầu tính lãi.

[3]. Đối với bà Huỳnh Thị Sa M và ông Thạch Th mặc dù không đến Tòa án để giải quyết vụ kiện với bà M, quá trình giải quyết Tòa án có sao gửi các chứng cứ mà M nộp khởi kiện gồm: Đơn khởi kiện, 03 danh sách hội viên, loại hội 5.000.000 đồng, mở tháng 3 năm 2017, hội vụ thể hiện bà M với ông Thế là hội viên tên (Thê Sa Manh) có tham gia các đây hội trên và những chứng cứ khác có liên quan để ông, bà có ý kiến hoặc phản bác về nội dung mà nguyên đơn bà M nộp khởi kiện. Qua làm việc bà Manh và ông Thạch Th không có ý kiến phản bác về nội dung bà M khởi kiện, Hội đồng xét xử căn cứ vào những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án.

[4] Hội viên còn hội sống ở 03 đây hội trên cùng có ý kiến thống nhất vào tháng 3 năm 2017, bà M có tổ chức khai 03 đây hội, loại hội 5.000.000 đồng, có

18 phần, hui vụ, bà M úp hui ở lần khai thứ 08, còn lại 10 lần khai nữa mới mãn hui. Sau khi úp hui chủ hui và hui viên đã tính toán cần trừ 02 lần tiền hui sống ở các dây hui trên xong, không có ai khởi kiện bà Manh chung vụ kiện này, mọi người thống nhất để cho bà M khởi kiện bà Manh và ông Thế.

Từ những nhận định nêu trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, do bà Thạch Thị M không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Buộc bị đơn bà Huỳnh Thị Sa M và ông Thạch Th phải chịu theo quy định của pháp luật; Nguyên đơn bà Thạch Thị M không phải chịu án phí.

[6] Xét thấy, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là có căn cứ theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 91, 92, 147 và Điều 227, 228, 244, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471 Bộ luật Dân sự;

Áp dụng các Điều 27, 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui biểu phùng;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị M về việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với các hui viên còn sống tổng cộng bằng 20.810.000 đồng.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị M.

3. Buộc bà Huỳnh Thị Sa M và ông Thạch Th cùng có trách nhiệm cho bà Thạch Thị M 10 lần tiền hui đã nhận bằng 68.810.000 đồng (Loại hui 5.000.000 đồng, mở tháng 3 năm 2017, dây hui số 01, 02, 03); Bà Thạch Thị M không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bị đơn bà Huỳnh Thị Sa M và ông Thạch Th phải chịu 3.440.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Thạch Thị M không phải chịu án phí; Hoàn trả số tiền 2.240.500 đồng theo biên lai thu tiền số 0014479 ngày 12-01-2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh lại cho bà Thạch Thị M.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Mỹ Chấm